|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO HÀ NỘI  **NHÓM ĐỊA LÝ**    ***(Học sinh chọn 1 đáp án đúng nhất)*** | ÔN TẬP **MÔN: Đia lý 12**  *Thời gian: tuần từ 9/3 - 14/3/2020*   |  | | --- | | **Mã đề 02** | |

**Câu 1**: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20 biểu đồ cột, giai đoạn 2000 - 2007 sản lượng thủy sản nuôi trồng nước ta đã tăng khoảng là.

A.1,6 lần B. 3,6 lần C. 2,6 lần D. 4,6 lần

**Câu 2**: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, lâm nghiệp năm 2007 hai tỉnh có giá trị sản xuất lâm nghiệp cao nhất nước ta năm 2007 là.

A.Bắc Giang, Sơn La B.Thanh Hóa, Phú Thọ

C. Nghệ An, Sơn La D. Nghệ An, Lạng Sơn

**Câu 3**:Theo niên giám thống kê năm 2006. Phần đất liền và các hải đảo của nước ta có tổng diện tích là:

A. 330991 km2.B. 331991 km2.C. 329789 km2. D. 331212 km2

**Câu 4.** Dựa vào Atlat trang 4-5 tỉnh không có biên giới trên đất liền giáp với Trung Quốc là.

A. Lạng Sơn. B. Sơn La. C. Cao Bằng. D. Hà Giang

**Câu 5**. Phần lãnh thổ phần đất liền nước ta trải dài trên khoảng số vĩ tuyến là

A.12º vĩ tuyến B.15º vĩ tuyến C. 17º vĩ tuyến D. 18º vĩ tuyến

**Câu 6.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây tiếp giáp với Trung Quốc và Lào?

A. Lai Châu. B. Sơn La. C. Điện Biên. D. Kon Tum.

**Câu 7**. Hãy xác định vị trí lãnh thổ Việt Nam nằm ở phía nào của Biển Đông

A. Tây B. Đông C. Bắc D. Nam

**Câu 8**.Cửa khẩu nằm ở biên giới Lào - Việt - Cam Pu Chia là.

A. Cầu Treo B. Xà Xía. C. Bờ Y D. Lao Bảo

**Câu 9.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, đỉnh Phan xi păng có độ cao là.

**A.** 2504 m. **B.** 3096 m. **C.** 3413 m. **D.** 3143 m.

**Câu 10.** “Địa thế cao hai đầu, thấp ở giữa, chạy theo hướng tây bắc - đông nam”. Đó là đặc điểm núi của vùng :

A. Tây Bắc. B. Đông Bắc.

C. Trường Sơn Bắc. D. Trường Sơn Nam.

**Câu 11.** Nằm ở cực tây của năm cánh cung thuộc vùng núi Đông Bắc là dãy :

A. Sông Gâm. B. Đông Triều.

C. Ngân Sơn. D. Bắc Sơn

**Câu 12**. “Địa hình núi đổ xô về mạn đông, có nhiều đỉnh cao trên 2000 m, phía tây là các cao nguyên”. Đó là đặc điểm của vùng :

A. Đông Bắc. B. Tây Bắc.

C. Trường Sơn Bắc. D. Trường Sơn Nam

**Câu 13.** Ranh giới của vùng núi Tây Bắc với các vùng khác là :

A. Sông Hồng và sông Đà. B. Sông Đà và Sông Mã.

C. Sông Hồng và sông Cả. D. Sông Hồng và sông Mã

**Câu 14.** Vân Phong và Cam Ranh là hai vịnh biển nước ta thuộc tỉnh (thành) :

A. Quảng Ninh. B. Đà Nẵng.

C. Khánh Hoà. D. Bình Thuận

**Câu 15.** Nguyên nhân của sự thay đổi nhiệt độ từ Bắc vào Nam ở nước ta là do

A. lãnh thổ và gió mùa Đông Bắc. B. gió mùa Đông Bắc và vĩ độ địa lí.

C. vĩ độ địa lí và lãnh thổ D. Mặt Trời lên thiên đỉnh và gió mùa Đông Bắc

**Câu 16**. Căn cứ vào At lat Địa lí Việt Nam trang 11, hãy cho biết nhóm đất feralit trên đá badan chủ yếu ở vùng.

A. Đồng bằng sông hồng. B. Tây Bắc. C. Tây Nguyên. D. Trung Bộ.

**Câu 17**.Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 và 5, hãy cho biết đảo Phú Quý thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Khánh Hòa. B. Ninh Thuận. C. Bà Rịa-Vũng Tàu. D. Bình Thuận

**Câu 18**. Thời gian hoạt động của gió mùa mùa đông ở nước ta là từ

A. tháng IX đến tháng IV. B. tháng X đến tháng IV.

C. tháng XI đến tháng IV. D. tháng XII đến tháng IV.

**Câu 19**. Điểm nào sau đây không đúng với hoạt động của gió mùa Đông Bắc ở nước ta ?

A. Chỉ hoạt động ở miền Bắc. B. Thổi liên tục suốt mùa đông.

C. Hầu như kết thúc bởi dãy Bạch Mã. D. Tạo mùa đông 3 tháng lạnh ở miền Bắc.

**Câu 20.** Nguồn lợi tổ yến của nước ta phân bố chủ yếu là ở vùng

A. các đảo trên vịnh Bắc Bộ. B. Duyên hải Nam Trung Bộ.

C. Bắc Trung Bộ. D. Đông Nam Bộ

**Câu 21.** Hai bể trầm tích có triển vọng về trữ lượng và khả năng khai thác dầu khí lớn nhất nước ta là

A. bể Hoàng Sa và bể Trường Sa. B. bể Cửu Long và bể Nam Côn Sơn.

C. bể sông Hồng và bể Phú Khánh. D. bể Mã Lai - Thổ Chu và Vũng Mây - Tư Chính

**Câu 22**. Biện pháp nào sau đây không thuộc về kỹ thuật canh tác trên đất dốc để hạn chế xói mòn ?

A. Làm ruộng bậc thang. B. Chủ động tưới tiêu.

C. Đào hố vẩy cá. D. Trồng cây theo băng.

**Câu 23.** Biện pháp nào sau đây không liên quan đến bảo vệ đa dạng sinh học ?

A. Xây dựng và mở rộng hệ thống vườn quốc gia. B. Quy định việc khai thác

C. Có kế hoạch mở rộng diện tích đất nông nghiệp. D. Ban hành “Sách đỏ Việt Nam”.

**Câu 24**. Thiên nhiên nước ta có sự khác nhau giữa Bắc và Nam (ranh giới là dãy Bạch Mã), không phải là do sự khác nhau về

A. lượng mưa. B. lượng bức xạ.

C. số giờ nắng. D. nhiệt độ trung bình.

**Câu 25**. Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu cho phần lãnh thổ phía Nam nước ta là đới rừng

A. cận xích đạo gió mùa. B. nhiệt đới gió mùa.

C. ôn đới gió mùa. D. cận nhiệt đới gió mùa

**Câu 26**. Nhận xét nào sau đây không còn đúng với đặc điểm dân số Việt Nam hiện nay ?

A. Dân số còn tăng nhanh. B. Cơ cấu dân số trẻ.

C. Phân bố dân cư chưa hợp lí. D. Đông dân, nhiều thành phần dân tộc

**Câu 27**. Ở nước ngoài, người Việt đang sinh sống nhiều nhất tại

A. Hoa Kỳ, Nhật Bản B. Hoa Kỳ, Ô-xtrây-li-a

C. Hoa Kỳ, Ô-xtrây-li-a, Nhật Bản. D. Hoa Kỳ, Ô-xtrây-li-a, Ca-na-đa.

**Câu 28**. Hai đô thị đặc biệt ở nước ta là

A. Hà Nội và Cần Thơ. B. Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

C. Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh. D. Hà Nội và Đà Nẵng

**Câu 29.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4-5, hãy cho biết tỉnh không giáp Campuchia?

A. Kon Tum. B. Gia Lai. C. Đắc Nông. D. Lâm Đồng

**Câu 30**. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, đô thị nào sau đây thuộc tỉnh Quảng Trị?

A. Hồng Lĩnh. B. Đồng Hới. C. Cửa Lò. D. Đông Hà.

**Câu 31**. Cho bảng số liệu:**Diện tích, dân số của Tây Nguyên và cả nước năm 2014**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vùng** | **Diện tích***(km2)* | **Dân số** *(nghìn người)* |
| *Cả nước* | *331 212* | *90 728,9* |
| Tây Nguyên | 54700 | 5525,8 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015)*

Qua bảng số liệu trên, cho biết Tây Nguyên lần lượt chiếm tỉ lệ bao nhiêu về diện tích và dân số của cả nước năm 2014?

A. 27,4% và 10,1%. B. 16,5% và 6,1%. C. 27,4% và 16,5% D. 6,1% và 10,1%

**Câu 32**. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, hồ Trị An thuộc lưu vực hệ thống sông nào sau đây?

A. Hồng. B. Mã. C. Thu Bồn. D. Đồng Nai.

**Câu 33.** Vùng có mật độ dân số thấp nhất cả nước năm 2006 là

A. Đông Bắc. B. Tây Nguyên. C. Tây Bắc. D. Bắc Trung Bộ.

**Câu 34**. Khó khăn lớn nhất do sự tập trung lao động đông tại các đô thị lớn ở nước ta gây ra là.

A. giải quyết việc làm. B. đảm bảo phúc lợi xã hội.

C. khai thác tài nguyên thiên nhiên. D. bảo vệ môi trường

**Câu 35**: Đặc điểm không đúng về sông ngòi nước ta

A. Mạng lưới sô thay đổi tùy vùng B. Sông nhiều nước, giàu phù sa

C. Chế độ nước theo mùa D. Mạng lưới sông ngòi dày đặc

**Câu 36.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, bãi biển **không** thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là

A. Mỹ Khê. B. Sa Huỳnh. C. Cà Ná. D. Lăng Cô.

**Dựa bảng số liệu trả lời các câu hỏi sau**. *( giá trị các ngành kinh tế nước ta trong GDP* )

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | Tổng số  (***Tỉ đồng)*** | Chia ra | | |
| Nông nghiệp | Công nghiệp | Dịch vụ |
| 2010 | 1887082 | 396576 | 693351 | 797155 |
| 2014 | 3542101 | 696969 | 1307935 | 1537197 |

**Câu 37**. Tỉ trọng ngành nông nghiệp trong GDP nước ta năm 2010 và 2014 là

A. 21,01% - 19,67% B. 22,0% - 19,7% C. 20,9% - 19,0% D. 21,0% - 19,7%

**Câu 38**: Tỉ trọng ngành Công nghiệp trong GDP nước ta năm 2014

A. 21,01% - 19,67% B. 22,0% - 19,7% C. 20,9% - 19,0% D.36,92%

**Câu 39**: Tỉ trọng ngành dịch vụ trong GDP nước ta năm 2014

A. 67% B. 43,39% C. 43,41% D. 44%

**Câu 40**: Biểu đồ phù hợp thể hiện Quy mô, cơ cấu các ngành kinh tế nước ta năm 2014 là.

A. Tròn B. cột chồng C. đường D. miền

..........................................................................Hết..........................................................................